

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 17, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Khắc D**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 17, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị N với anh Đinh Khắc D tự nguyện kết hôn vào ngày 03/12/2001, có đăng ký tại UBND xã Phượng Mao cũ nay là xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình; kể từ tháng 04/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được nên chị đề nghị ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Đình Quyết T, sinh ngày 09/10/2002 và Đình Đức T1, sinh ngày 06/7/2007. Hiện tại cháu T đã thành niên nên chị không yêu cầu gì; còn cháu T1 hiện đang ở với Chị N. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu T1, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết anh Đình Khắc D vắng mặt, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh vắng mặt không lý do.**

- Qua xác minh tại UBND xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xác định anh D hiện tại có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh D thường xuyên sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là gia đình ông Đình Mạnh Lung ở khu 17 xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng giữa anh D và chị N thời gian đầu hòa T1 hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh D và chị N có 02 con chung là Đình Quyết T, sinh năm 2002 và Đình Đức T1, sinh ngày 06/7/2007. Hiện nay anh T đã trưởng thành, còn cháu T1 đang sinh sống với chị N. Nguyên nhân có sự tranh chấp việc nuôi con chung là do nguyện vọng của người làm cha làm mẹ muốn được nuôi dưỡng con. UBND xã V đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

- Qua làm việc với ông Đình Mạnh L là bố của anh D thì ông L xác định anh D sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông, hiện tại anh D bận đi làm ăn nên không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị N được. Mỗi khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thì ông đều giao và thông báo cho anh D.

Anh D thể hiện quan điểm về việc giải quyết ly hôn với chị N qua ông L như sau:

+ Về hôn nhân: Anh D xác định anh với chị N kết hôn tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký tại UBND xã Phượng Mao cũ nay là xã V, huyện Thanh Thủy. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, đến nay quan hệ hôn nhân không hàn gắn được nên anh D đồng ý ly hôn chị N.

+ Về con chung: Anh D xác định anh và chị N có 02 con chung là cháu Đình Quyết T, sinh năm 2002 và Đình Đức T1, sinh năm 2007. Hiện cháu T đã thành niên và đang thực hiện nghĩa vụ quân sự. Khi ly hôn anh đề nghị nuôi cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh D không yêu cầu giải quyết.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo

quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị N

Về hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn anh D.

Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Đức T1, sinh ngày 06/7/2007. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở;.

Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị N do điều kiện bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh D về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh D đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh D vào năm 2001, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Phụng Mao cũ nay là xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh D đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống thường ngày. Kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh D về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh D đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh D đều vắng mặt không có lý do. Qua làm việc UBND xã V nơi anh D và chị N sinh sống xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh D và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị N đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị N xử cho chị N được ly hôn anh D là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Anh D và chị N có 02 con chung là Đình Quyết T, sinh ngày 09/10/2002 và Đình Đức T1, sinh ngày 06/7/2007. Hiện nay cháu T đã thành niên nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Đối với cháu T1 hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu T1. Qua lời khai thì cháu T1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó HĐXX cần giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Áp dụng Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đình Thị N được ly hôn anh Đình Khắc D.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đình Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đình Đức T1, sinh ngày 06/7/2007 kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu thành niên. Anh Đình Khắc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000705 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng